

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/DS-ST

Ngày: 11-11-2021

V/v tranh chấp chia di sản thừa kế
để thanh toán tiền mai táng phí

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Bà Ngô Hồng Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp về chia di sản thừa kế để thanh toán tiền mai táng phí” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bùi Phan L, sinh năm 1996;

2. Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1995;

3. Bùi Văn T, sinh năm 1987;

Cùng cư trú tại địa chỉ: Ấp 1 B, xã LH, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Thị L1, sinh năm 1978;

Cư trú tại địa chỉ: Ấp XD, xã LT, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Bùi Thị C, sinh năm 1980;

Cư trú tại địa chỉ: Số 424 ấp BC, xã PHĐ, huyện CC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1983;

Cư trú tại địa chỉ: Ấp 2, xã LH, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (Chi nhánh TSG – phòng giao dịch BC).

Địa chỉ phòng giao dịch: A11/11/ ấp 1, xã BC, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng: Bà Đặng Thị Ngọc B – chức vụ: Kiểm soát viên giao dịch (theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 12 năm 2020 và ngày 18 tháng 6 năm 2021).

2. Bà Bùi Thị Lệ T, sinh năm 1979;

Cư trú tại địa chỉ: Ấp 1, xã LK, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 10 năm 2020 và đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Bùi Phan L trình bày như sau: Ông nội của ông là cụ Bùi Văn P (chết năm 1988), bà nội là cụ Nguyễn Thị N (chết năm 1991); cụ P và cụ N có 3 người con là ông Bùi Văn B, ông Bùi Văn Đ và bà Bùi Thị H. Ông Bùi Văn Đ (chết năm 2010) có 04 người con là Bùi Phan L, Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T, Bùi Thị Lệ T, cha ông không có người con riêng hoặc con nuôi nào khác; Ông Bùi Văn B (chết năm 1995) có 3 người con là Bùi Thị C, Bùi Thị N, Bùi Thị L1, ông B không còn có người con riêng hoặc con nuôi nào khác; Bà Bùi Thị H (chết ngày 16 tháng 8 năm 2020), bà H không có chồng và không có con, trước khi chết bà H không để lại di chúc. Khi còn sống bà Bùi Thị H có để lại di sản thừa kế là số tiền 87.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần AC – Chi nhánh TSG – Phòng giao dịch BC (theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết kiệm H3 51947 gửi ngày 17 tháng 6 năm 2020). Bà Bùi Thị H đi tu tại chùa Long Hoa với pháp danh là Thích Quảng T. Bà H là phó trụ trì của chùa LH nên khi bà H chết thì nhà chùa yêu cầu phải xây tháp cho bà H. Do ông là cháu ruột của bà H nên ông đã đứng ra lo ma chay cho bà H, đồng thời ký hợp đồng với ông Trần Tấn Q để xây tháp cho bà H với số tiền là 120.000.000đồng, ông đã tạm ứng trước số tiền 120.000.000đồng để trả cho ông Trần Tấn Q là người thi công xây tháp cho bà H. Hiện nay bà H còn số tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng là 87.000.000đồng và tiền lãi nhưng các chị của ông là con ông Bùi Văn B không đồng ý cho ông nhận số tiền trên. Nên ông khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H để thanh toán lại số tiền ông đã bỏ ra xây tháp cho bà H, số tiền gốc là 87.000.000đồng và toàn bộ số tiền lãi đang được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần CA – Chi nhánh TSG – Phòng giao dịch BC. Ngày 16/10/2020 thì ông và là Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T có ký đơn khởi kiện do không am hiểu pháp luật nên đơn khởi kiện để các anh em ông cùng ký đơn. Nay ông xác định chỉ một mình ông khởi kiện và yêu cầu được nhận toàn bộ số tiền trên và chị Bùi Thị Thùy D, anh Bùi Văn T cũng đồng ý để cho ông được nhận số tiền trên.

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D trình bày tại biên bản làm việc ngày 19 tháng 3 năm 2021: Do không am hiểu pháp luật nên ban đầu bà cùng ký vào đơn khởi kiện với ông Bùi Phan L, nay bà xác định chỉ một mình ông L bỏ ra số tiền 120.000.000 đồng xây tháp cho cô ruột là bà Bùi Thị H nên bà đồng ý để một mình ông L nhận toàn bộ số tiền của bà H tại ngân hàng và bà xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Bà thống nhất về hàng thừa kế của bà Bùi Thị H như lời trình bày của ông L, hiện nay còn hàng thừa kế thứ ba của bà H gồm bà, ông Bùi Văn T, Bùi Phan L, Bùi Thị Lệ T (là con của ông Bùi Văn Đ); Bùi Thị C, Bùi Thị N, Bùi Thị L1 (là con của ông Bùi Văn B). Bà xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày tại biên bản xác minh ngày 10/5/2021 như sau: Ông xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đồng ý để ông Bùi Phan L là em ruột của ông được nhận toàn bộ số tiền tiết kiệm của bà Bùi Thị H đang gửi tại ngân hàng. Ông xin vắng mặt Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Bùi Thị L1, Bùi Thị C, Bùi Thị N trình bày tại biên bản làm việc ngày 10 tháng 3 năm 2021 và biên bản ghi lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2021: Cô ruột của các bà là Bùi Thị H, sinh năm 1964 (chết năm 2020) không có chồng, không có con, cha mẹ của bà H là cụ Bùi Văn P và cụ Nguyễn Thị N đã chết trước bà H. Cụ pháp và cụ N có ba người con ruột là ông Bùi Văn B chết năm 1995, ông Bùi Văn Đ chết năm 2010 và bà cô là Bùi Thị H. Các bà là con ruột của ông Bùi Văn B ngoài ra ông B không có người con riêng, con nuôi nào khác. Chú Bùi Văn Đ có 04 người con ruột là Bùi Phan L, Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T và Bùi Thị Lệ T, ngoài ra ông Đ không còn người con riêng hoặc con nuôi nào khác. Hiện nay cô Bùi Thị H đã chết, các anh của bà H cũng chết trước đó nên các bà và các con của ông Đ là hàng thừa kế thứ 3 gồm: Bùi Phan L, Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T, Bùi Thị L1, Bùi Thị C, Bùi Thị N, Bùi Thị Lệ T ngoài ra không còn hàng thừa kế nào khác. Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia phần di sản thừa kế của bà H để trả tiền công thợ làm tháp cho bà H thì các bà không đồng ý và đề nghị giữ nguyên số tiền này. Các bà không biết việc ông L bỏ tiền ra xây tháp cho bà H. Nếu ông L, bà D, ông T muốn nhận số tiền này thì đến nhà các bà nói chuyện cụ thể về việc xây tháp cho bà H thì các bà sẽ thống nhất ký thừa kế để cho ông L, bà D, ông T lấy tiền để trả tiền công thợ xây tháp cho bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Lệ T trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 10 tháng 5 năm 2021: Bà đồng ý để ông Bùi Phan L là em ruột của bà được nhận toàn bộ số tiền tiết kiệm của bà Bùi Thị L1 đang gửi tại ngân hàng. Bà xin vắng mặt Toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu do bà Đặng Thị Ngọc B đại diện trình bày tại bản tự khai ngày 28 tháng 12 năm 2020 với nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần AC sẽ thực hiện việc chia trả di sản thừa kế của bà Bùi Thị H là khoản tiền tiết kiệm theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết

kiệm H3 51947 cho người thừa kế hợp pháp của bà H khi có bản án của Tòa án có hiệu lực. Bà B xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không được.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các nguyên đơn ông T, bà D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T và Ngân hàng AC có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964, chết ngày 16/8/2020, có để lại di sản là số tiền 87.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng AC – Phòng giao dịch BC từ ngày 17/6/2020, trước khi chết không để lại di chúc. Các nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất bà H không có chồng con, cha mẹ bà H là cụ Bùi Văn P, cụ Nguyễn Thị N và các anh ruột là Bùi Văn B, Bùi Văn Đ đã chết trước bà H nên các con ruột của ông Bùi Văn B là Bùi Phan L, Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T, Bùi Thị Lệ T và các con ruột của ông Bùi Văn Đ là Bùi Thị L1, Bùi Thị N, Bùi Thị C là các đồng thừa kế ở hàng thừa kế thứ ba. Các bị đơn không yêu cầu chia di sản thừa kế mà đề nghị giữ nguyên số tiền này, người liên quan bà T không có yêu cầu chia di sản thừa kế, các nguyên đơn bà D, ông T đề nghị giải quyết cho ông L nhận di sản thừa kế do ông L đã đứng ra thanh toán tiền mai táng phí. Căn cứ vào hợp đồng làm tháp cho bà Bùi Thị H ngày 16/8/2020 bên nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác nhận số tiền 120.000.000 đồng làm tháp cho bà H là chi phí hợp lý cho việc mai táng nên phải được ưu tiên thanh toán theo Khoản 1 Điều 658 Bộ luật Dân sự, từ đó xác định di sản của bà H để lại sẽ được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ tài sản là thanh toán tiền mai táng phí cho bà H trước khi tiến hành chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế nếu có yêu cầu. Do nguyên đơn Bùi Phan L đã đứng ra chi trả số tiền 120.000.000 đồng nên yêu cầu nhận số tiền 87.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng AC – Phòng giao dịch BC cùng với tiền lãi phát sinh của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, ông L không có yêu cầu gì đối với số tiền chênh lệch đã bỏ ra. Ông Bùi Văn T và bà Bùi Thị Thùy D đã tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên cần xem xét đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, bà D. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quyền khởi kiện:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa ông Bùi Phan L với bà Bùi Thị C, Bùi Thị L1, Bùi Thị N là tranh chấp chia di sản thừa kế để thanh toán tiền mai táng phí theo quy định tại khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự và khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Bùi Thị L1, Bùi Thị C, Bùi Thị N, trong đó bà Bùi Thị L1 và Bùi Thị N cư trú tại xã LT và xã LH của huyện C nên khi ông L có đơn khởi kiện Tòa án căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm h khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn bà Bùi Thị L1, Bùi Thị C, Bùi Thị N được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Bùi Thị Thùy D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ T, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần AC vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 207, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Thùy D và ông Bùi Văn T xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, việc rút yêu cầu khởi kiện của bà D và ông T là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà D và ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Phan L yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của bà Bùi Thị H là số tiền 87.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi đang được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần AC – Chi nhánh TSG – Phòng giao dịch GC (theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết kiệm IH3 51947 gửi ngày 17/6/2020) để thanh toán 120.000.000 đồng tiền mai táng phí do ông đã bỏ ra để xây tháp cho bà H.

[2.1] Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964 (chết ngày 16/8/2020) là con của cụ Bùi Văn P (chết năm 1988) và cụ Nguyễn Thị N (chết năm 1991), bà H không có chồng, không có con; các anh em ruột của bà H là ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1948 (chết năm 2010) và ông Bùi Văn B (sinh năm 1945) chết năm 1995. Ông Đ có các người con ruột là Bùi Phan L, sinh năm 1996, Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1995, Bùi Văn T, sinh năm 1987 và Bùi Thị Lệ T, sinh năm 1979, ông Đ không có người con nuôi hoặc con riêng nào khác; Ông B có các người con ruột là Bùi Thị L1, sinh năm 1978, Bùi Thị C, sinh năm 1980 và Bùi Thị N sinh năm 1980, ông B không có người con riêng con nuôi nào khác. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không cung cấp được giấy khai sinh của bà H, ông B, ông Đ để xác định quan hệ nhân thân của bà H. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận bà H không có chồng, không có con và hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai của bà H đều chết trước bà H; xác định hàng thừa kế thứ ba của bà H là những người cháu ruột bao gồm: Bùi Phan L, Bùi Thị Thùy D, Bùi Văn T, Bùi Thị Lệ Trinh, Bùi Thị C, Bùi Thị N, Bùi Thị L1 đây là tình tiết các đương sự

đều thừa nhận không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Bà Bùi Thị H chết để lại di sản thừa kế là số tiền 87.000.000đồng và toàn bộ số tiền lãi đang được gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần AC – Chi nhánh TSG – Phòng giao dịch HB (theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết kiệm H3 51947 gửi ngày 17 tháng 6 năm 2020). Sau khi bà H chết thì ông Bùi Phan L là người đứng ra lo việc mai táng cho bà H. Việc ông L xây tháp cho bà H được trụ trì chùa LH xã LT xác nhận ngày 26 tháng 5 năm 2021 và người thi công xây tháp là ông Trần Tấn Q xác nhận ngày 26 tháng 5 năm 2021 và hợp đồng thi công làm tháp ngày 16 tháng 8 năm 2020 với số tiền 120.000.000đồng. Đồng thời, ông L cung cấp hình ảnh ngôi tháp của bà H đã được xây dựng. Nên có căn cứ xác định việc ông L xây tháp cho bà H với số tiền 120.000.000đồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ghi lời trình bày của bà Ng, bà L1, bà C thì các bà đều xác định không có yêu cầu chia di sản thừa kế của bà H và nếu ông L, bà D, ông T đến nhà nói chuyện với các bà thì các bà sẽ đồng ý ký thừa kế để cho ông L, bà D, ông T nhận tiền tại ngân hàng để trả tiền cho công thợ xây Tháp cho bà H. Như vậy bà N, bà L1, bà C đã thừa nhận và biết có việc ông L là người đứng ra xây tháp cho bà H. Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự thì việc chi phí hợp lý cho việc mai táng phí được ưu tiên thanh toán khi phân chia di sản thừa kế nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Bùi Thị H để thanh toán số tiền mai táng phí mà ông đã bỏ ra xây tháp cho bà H.

[2.3] Đối với số tiền ông Bùi Phan L đã ứng ra để xây tháp cho bà H là 120.000.000đồng nhưng di sản thừa kế bà H để lại là gồm 87.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 11 tháng 11 năm 2021 là 6.462.057đồng theo xác nhận ngày 01 tháng 11 năm 2021 của ngân hàng. Ông L đã ứng ra số tiền xây tháp nhiều hơn di sản thừa kế mà bà H để lại nhưng số tiền vượt quá ông không có yêu cầu với số tiền vượt quá nên không xem xét.

[2.4] Từ những nhận định có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí: Tại phiên tòa ông L đồng ý chịu toàn bộ tiền án phí trên số tiền được nhận nên ghi nhận sự tự nguyện chịu tiền án phí của ông L. Bà D, ông T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện được tòa án chấp nhận và yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà D, ông T, ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 202, Điều 227, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thùy D và ông Bùi Văn T về việc yêu cầu chia di sản thừa kế để thanh toán tiền mai táng phí của bà Bùi Thị H.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Phan L về yêu cầu về việc yêu cầu chia di sản thừa kế để thanh toán tiền mai táng phí của bà Bùi Thị H đối với bị đơn bà Bùi Thị C, bà Bùi Thị L1, bà Bùi Thị N.

Xác định di sản thừa kế của bà Bùi Thị H để lại là số tiền 87.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết kiệm H3 51947 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

Ông Bùi Phan L được quyền liên hệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (Chi nhánh TSG – phòng giao dịch BC) để nhận và Ngân hàng Thương mại Cổ phần AC (Chi nhánh TSG – phòng giao dịch BC) có trách nhiệm giao cho ông Bùi Phan L 87.000.000đồng tiền gốc, tiền lãi đến ngày 11 tháng 11 năm 2021 là 6.462.057đồng và tiền tiền lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 11 năm 2021 trên số tiền gốc 87.000.000đồng của bà Bùi Thị H theo sổ tiết kiệm số 311496119, số seri sổ tiết kiệm H3 51947 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

3. Về án phí:

Hoàn trả bà Bùi Thị Thùy D, ông Bùi Văn T, ông Bùi Phan L 2.175.000đồng số tiền tạm ứng án phí cùng nộp theo biên lai thu số 0009164 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Bùi Phan L phải chịu 4.673.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám